

Biến đổi lối sống theo phong tục, tập quán của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ từ Đổi mới đến nay

Bùi Thị Minh Phượng^(*)

Tóm tắt: Bài viết làm rõ sự biến đổi lối sống theo phong tục tập quán của cư dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ từ Đổi mới đến nay. Sự biến đổi này chủ yếu xuất phát từ sự thay đổi phương thức sản xuất từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Từ khóa: Phong tục, Tập quán, Lối sống, Biến đổi lối sống, Nông thôn, Đồng bằng Bắc bộ, Việt Nam

Abstract: The article clarifies the lifestyle changes according to the customs and habits of rural residents in the Northern Delta from Doi Moi to the present. This transformation mainly stems from the change of production method from a centrally-subsidized economy to a market economy, the process of industrialization and globalization as well as the international integration of Vietnam.

Keywords: Customs, Habits, Lifestyle, Lifestyle change, Rural Areas, Northern Delta, Vietnam

Mở đầu

Ở Việt Nam, trong thời kỳ đầu của Đổi mới (năm 1986), khi chưa chịu ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, lối sống của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ mang đậm chủ nghĩa yêu nước, tinh cố kết cộng đồng gắn liền với tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết tương trợ trong quan hệ gia đình, dòng họ, làng xã; tinh thần bao dung nhân ái, quý trọng con người; bên cạnh đó vẫn còn mang đậm nét tâm lý của người sản xuất nhỏ, tiểu nông, tự cấp tự túc, đóng cửa, cục bộ và bảo thủ.

Trong tương tác xã hội, tính cá nhân bị hạn chế, thay vào đó tính cộng đồng được đề cao, quan hệ giao tiếp mang tính hữu danh và cung cách ứng xử mang nặng tính khuôn mẫu (Nguyễn Huy Phòng, 2020: 66-67).

Bài viết tổng quan các nghiên cứu nhằm làm rõ những biến đổi và chỉ ra nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi lối sống theo phong tục tập quán của cư dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ từ Đổi mới đến nay (hai thập niên đầu thế kỷ XXI).

1. Một số khái niệm

Trong giới nghiên cứu, khái niệm lối sống được định nghĩa ở nhiều phương diện khác nhau như xã hội học, tâm lý học, văn hóa học... Theo Ngô Thị Phượng (2014:

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phuongissi@yahoo.com

14-15), căn cứ vào lý luận của chủ nghĩa Marx - Lenin, lối sống phản ánh các hoạt động cơ bản của con người (giai cấp, dân tộc, nhóm xã hội, cá nhân), từ lao động sản xuất, tiêu dùng, hoạt động xã hội - chính trị và tư duy. Lối sống là sự thống nhất trong nó một số phương diện cơ bản như cách thức lao động sản xuất; cách thức tiêu dùng; quan hệ ứng xử giữa người với người và xã hội; đặc điểm tư duy; các phong tục tập quán, tín ngưỡng... Dưới góc nhìn xã hội học, Trần Văn Bính (1997) cho rằng, lối sống khái quát toàn bộ hoạt động sống của các dân tộc, các giai cấp, các cá nhân trong những điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định và biểu hiện trong các lĩnh vực của đời sống, trong lao động và hưởng thụ, trong quan hệ giữa người với người,... Từ cách tiếp cận văn hóa học, Phạm Hồng Tung (2007) cho rằng, lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định. Từ góc độ tâm lý học, theo Lê Đức Phúc (2006), lối sống chỉ toàn bộ những hình thức hoạt động mang tính ổn định, đặc trưng cho cá nhân hay nhóm.

Từ những quan niệm trên, có thể hiểu lối sống là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Là một thành tố của văn hóa, một phương thức tồn tại và biểu hiện của văn hóa, lối sống luôn có liên quan mật thiết với văn hóa nhưng nó không hoàn toàn đồng nhất với văn hóa và cũng không đồng nhất với hoạt động sống. Giữa lối sống và văn hóa chỉ là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cái đặc thù và cái phổ biến. Dưới tác động của kinh tế - xã hội, của môi trường văn hóa và điều kiện tự nhiên, lối

sống không phải là bất biến, tĩnh lặng mà luôn vận động, biến đổi.

Phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phong tục không mang tính cố định, bắt buộc như nghi thức, nghi lễ, nhưng cũng không tùy tiện như hoạt động sống thường ngày. Phong tục có thể ở một dân tộc, địa phương, tầng lớp xã hội hay thậm chí một dòng họ, gia tộc. Phong tục có những khía cạnh đã trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân rất bền chặt, có sức mạnh hơn cả đạo luật (Trương Thìn, 2010: 5). Theo cách hiểu này, phong tục gồm mọi thứ liên quan đến sinh hoạt văn hóa của con người được thực hiện trong cộng đồng nơi họ đang sinh sống. Dù cộng đồng lớn hay nhỏ thì đều có phong tục.

Tiếp cận từ góc độ dân tộc học và văn hóa học, tập quán được hiểu là những phương thức ứng xử giữa người với người đã được định hình và được xem như một dấu ấn, một điểm nhấn tạo thành nề nếp, trật tự trong lối sống của cá nhân trong quan hệ nhiều mặt tại một cộng đồng dân cư nhất định (Phùng Trung Lập, 2015: 15). Theo đó, tập quán là những quy ước, quy tắc giao tiếp, ứng xử giữa những cá nhân với nhau, cá nhân với cộng đồng xã hội hoặc giữa cộng đồng xã hội với nhau trong cuộc sống, sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt xã hội, được lặp đi lặp lại nhiều lần rồi trở thành thói quen, nề nếp của cộng đồng (Nguyễn Thị Trà Giang, 2019: 66). Dưới góc độ pháp luật, khái niệm về tập quán được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ở góc độ triết học, tập quán được coi là “phương thức hành vi theo kiểu mẫu sẵn có, được lặp lại trong một tập đoàn xã hội, một xã hội nhất định, trong một thời kỳ lịch sử lâu dài, và là thói

quen, truyền thống của các thành viên trong xã hội ấy. Tập quán được mọi người công nhận từ thế hệ này sang thế hệ khác và từ xã hội đến cá nhân. Trong quá trình phát triển lịch sử, những tập quán lỗi thời được thay thế bằng những tập quán mới, tạo điều kiện hình thành những quan hệ xã hội mới, tiến bộ (Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng, 1987: 427).

Như vậy, “phong tục” và “tập quán” là những khái niệm dùng để chỉ thói quen văn hóa có tính dân tộc và tính lịch sử được hình thành trong đời sống của con người, trở thành những chuẩn mực văn hóa được mọi người thừa nhận và tuân theo. Ở góc độ hẹp, phong tục, tập quán là toàn bộ thói quen thuộc về đời sống của con người được công nhận bởi một cộng đồng, quần thể và coi đó như một nếp sống truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tùy theo mỗi địa phương và tín ngưỡng khác nhau, phong tục, tập quán ở mỗi quần thể sẽ có những khác biệt. Phong tục, tập quán là một trong những “thiết chế” tự sinh nhằm giúp những người có cùng phong tục hình thành nên cùng một thói quen, một lối sống được xem là nền nếp, đạo đức, văn minh, tiến bộ. Chính vì lẽ đó mà phong tục, tập quán được bảo tồn và phát triển, không chỉ giới hạn trong một phạm vi cộng đồng dân cư cụ thể mà còn lan truyền sang các cộng đồng cư dân khác.

Lối sống theo phong tục, tập quán được hiểu là lối sống mà ý thức và hành vi của các cá nhân dựa trên các chuẩn mực của phong tục, tập quán, tức là dựa trên các quy tắc, yêu cầu, đòi hỏi được xác lập nhằm củng cố những mẫu thức ứng xử trong cộng đồng. Những quy tắc này được lặp đi lặp lại trở thành hành vi mang tính tự nhiên của con người trong quá trình lao động, sinh hoạt hàng ngày. Lối sống theo phong tục, tập quán thường ít biến đổi và mang tính cục bộ.

2. Một số biến đổi về lối sống ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ biểu hiện qua phong tục, tập quán

Về ẩm thực: Có sự thay đổi rõ rệt về ẩm thực của người dân nông thôn đồng bằng Bắc bộ. Theo Nguyễn Quang Khải (2018: 32-57), sau Đổi mới, sự thay đổi thể hiện rõ từ thói quen hình thành bữa ăn (đổi từ bữa trưa, tối vốn là bữa chính, bữa sáng là bữa phụ thành cả ba bữa đều là bữa ăn chính trong ngày), từ sự thay đổi trong vật dụng dùng trong bữa ăn, không gian bữa ăn, tổ chức mâm cơm, sự thay đổi trong chủng loại thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày cũng như cách chế biến món ăn, làm cỗ, cách mời chào khách, lựa chọn đồ uống nhân các tiết lễ trong năm ở tư gia, và cả thói quen ăn vặt. Tỷ lệ các món ăn trong bữa cơm đã thay đổi với tần suất xuất hiện của thịt và cá nhiều hơn, đặc biệt trong mùa đông lượng thịt và mỡ trong bữa ăn cũng được tăng lên để giúp tăng sức chống chọi của cơ thể với thời tiết lạnh ở miền Bắc.

Dấu ấn của ẩm thực phương Tây không chỉ xuất hiện trong bữa ăn của các gia đình ở thành thị mà hiện đã có trong gia đình của người dân nông thôn, như xúc xích, bánh mì, bơ... (Nguyễn Thị Thanh Hòa, 2016).

Về trang phục: Nguyễn Thị Đức (2010) chỉ ra, những năm 1980, việc nhập khẩu và thông thương hàng hóa còn hạn chế, ngành may mặc chưa phát triển, nhưng văn hóa trang phục lại thay đổi nhiều, nguyên nhân chính là do lượng người xuất khẩu lao động sang nước ngoài và đội ngũ du học sinh gửi quần áo (cả cũ và mới) từ nước ngoài về Việt Nam. Nguyễn Thị Thụy Hà (2014) cho rằng, các trang phục này đáp ứng được nhu cầu đẹp về hình thức, đa dạng về mẫu mã, chất lượng và giá cả tốt hơn nhiều so với sản phẩm sản xuất trong nước lúc bấy giờ. Xu hướng trang phục ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ dần thay đổi rõ rệt từ

những năm 1990 trở đi. Theo nghiên cứu của Nguyễn Quang Khải (2018), trước đây người ta có thói quen dùng đồ cũ, đồ sửa lại để làm tã lót và quần áo cho trẻ em, quần áo của trẻ lớn để mặc lại cho trẻ nhỏ, và thường chỉ mua sắm quần áo vào các dịp đặc biệt (Tết, năm học mới). Nhưng hiện nay việc này không còn phổ biến. Những năm gần đây, khi kinh tế phát triển, người dân càng có điều kiện để mua sắm đa dạng trang phục. Nghiên cứu của Diệp Đình Hoa (2000) cũng phản ánh việc người dân nông thôn không chỉ có nhiều cơ hội để mua sắm trang phục, mà họ còn chú ý hơn tới những trang phục phù hợp với cơ thể mình, không chỉ nữ giới mà cả nam giới. Nhiều người còn theo xu hướng ăn mặc “mốt” và “thời trang”. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Hương (2014) chỉ ra, áo dài - trang phục truyền thống của người Việt - cũng có nhiều thay đổi trong cả kiểu dáng đến chất liệu. Thậm chí áo dài còn được kết hợp cùng quần jeans hay quần ống nhỏ. Và vấn đề được đặt ra là, phải chăng đó là sự tiếp biến Âu hóa trong trang phục.

Trước thực tế này, nghiên cứu của Mai Văn Hai và các cộng sự (2013) quan ngại rằng có thể sự đồng hóa văn hóa trang phục đã len lỏi vào các làng quê. Theo các nghiên cứu của Diệp Đình Hoa (2000), Mai Văn Hai và các cộng sự (2013), Ngô Đức Thịnh (2014), Nguyễn Thị Thụy Hà (2014), Nguyễn Thị Kim Hương (2014)... quy luật biến đổi trang phục của người dân nơi đây phản ánh quá trình giao lưu, biến đổi và thích nghi với những yếu tố văn hóa mới trong quá trình vận động của xã hội.

Về nhà ở (nơi cư trú): Nhà ở truyền thống của cư dân nông thôn đồng bằng Bắc bộ có đặc điểm chung là nhà nằm trong làng. Mỗi làng có một cổng làng. Quanh làng thường được bao bọc bởi lũy tre. Nghiên cứu của Phạm Xuân Trường

(1997), Nguyễn Vĩnh Khánh (2014), Bùi Xuân Đính (2020b), Khuất Phan Hưng (2022)... cho thấy kiến trúc nhà ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ trước đây là nhà kiểu một tầng thô sơ, nền làm sát đất, vật liệu là tre, nứa lá, rom rạ, gỗ, gạch mái ngói. Nhưng hiện nay, cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, nhà ở của người dân nơi đây có sự thay đổi lớn về không gian sinh sống cũng như hình dạng. Kiến trúc nhà ở nông thôn đã bị lãng quên trong quy hoạch cũng như định hướng lâu dài, các công trình phi nông nghiệp xuất hiện, các khu công nghiệp, nhà xưởng, kho bãi đã làm mất đi tính thẩm mỹ và yên bình của làng quê Việt Nam. Ở nhiều nơi, nhà ở nông thôn đã trở thành bản sao mẫu nhà chia lô của các đô thị vào những năm 1990.

Nghiên cứu của Nguyễn Xuân Lộc (2010), Trần Đình Thi (2008), Phạm Thị Kim Ngân (2019), Nguyễn Huy Phòng (2020) cho thấy, mặt trái của đô thị hóa làm thay đổi bộ mặt xã hội nông thôn, trong đó kiến trúc nhà ở là một trong những lĩnh vực biến đổi nhiều nhất. Các khu đô thị mới, khu công nghiệp ngày càng được mở rộng thay thế dần các cánh đồng lúa, hình ảnh những cây đa cổ thụ bên cạnh đình chùa miếu mạo, hay những lũy tre quen thuộc đã dần trở nên hiếm. Những ngôi nhà cao lớn được xây dựng, những mái ngói xưa dần mất đi. Ở nhiều nơi, dọc đường làng có những dãy nhà ở giống như nhà ống ở đô thị. Theo Phạm Thị Kim Ngân (2019), các hình thức phong cách kiến trúc được du nhập từ khắp mọi nơi. Ở nghiên cứu của Chu Thị Hương (2020), nhà ở truyền thống bị thay đổi nhiều về hình thái khuôn viên truyền thống do người dân có xu hướng ở riêng thành các gia đình nhỏ, cha mẹ chia nhỏ đất để cho con cái làm nhà ở riêng, những gia đình có nhiều thế hệ cùng chung sống không còn nhiều.

Bùi Xuân Đỉnh (2020a) nhận định, nhà ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ thay đổi do hình thái nông thôn đã thay đổi và trở nên đa dạng hơn, có làng nông thôn thuần nông, có làng nông thôn cận đô thị,... Sự thay đổi này thể hiện ở nhiều mặt như cấu trúc nhà, nguyên vật liệu và kỹ thuật xây dựng, tất cả đều trở nên hiện đại hơn.

Có thể nói, từ Đổi mới đến nay, sự phát triển kinh tế - xã hội đã tác động lớn đến lối sống của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ trên nhiều mặt, trong đó phải kể đến những khía cạnh cụ thể sau:

Thứ nhất, thay đổi diện mạo văn hóa vật chất, tinh thần làng quê theo hướng văn minh, hiện đại, đặc biệt trong văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán. Diệp Đình Hoa (2000: 537) cho rằng, làng Việt là cộng đồng về phong tục, tập quán, mỗi làng có tập tục về cưới xin, tang ma, khao vọng... riêng và được ghi cụ thể trong hương ước. Làng còn là cộng đồng về tín ngưỡng, tôn giáo và các sinh hoạt văn hóa. Mỗi làng có đình, chùa, đền, miếu, hoặc nhà thờ Công giáo..., có Thành hoàng, Thần, Thánh riêng với lai lịch rõ ràng (sắc phong), theo một quan niệm “Trông làng nào làng ấy đánh/Thánh làng nào làng ấy thờ”. Làng là một cộng đồng về tiếng nói (tiếng làng), được biểu hiện qua phương ngữ, âm điệu và cách diễn đạt khác nhau theo từng địa phương. Hiện nay có nhiều lễ hội truyền thống của nhiều địa phương được phục dựng, đình, đền chùa, miếu mạo được trùng tu. Nhiều công trình văn hóa tâm linh với quy mô đồ sộ, hoành tráng được xây dựng, trở thành điểm nhấn văn hóa và là nơi sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của người dân địa phương và du khách. Sự biến đổi của lễ hội cũng chính là sự thay đổi nhân sinh quan của cư dân nông thôn đồng bằng Bắc

bộ, thể hiện ở cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Bên cạnh những biến đổi tích cực trong quan niệm về sự tôn thờ, sự tưởng nhớ trong quan niệm về đời sống tâm linh, tín ngưỡng, về ước mong của con người trong cuộc sống, lao động, sản xuất, thì mặt tiêu cực thể hiện ở sự lãng phí trong việc tổ chức các lễ hội, phục hồi một số tập tục không còn phù hợp, lợi dụng lễ hội để trục lợi... (Đặng Quang Định, 2017).

Nhận định về đời sống tín ngưỡng tôn giáo ở khu vực đồng bằng Bắc bộ từ Đổi mới đến nay, Phùng Thị An Na (2016: 30-31) cho rằng có sự biến đổi với những biểu hiện phong phú, có sự đan xen giữa cái hay, cái dở, cái lành mạnh, cái không lành mạnh. Nổi bật là các cá nhân có xu hướng tự tu dưỡng, giữ gìn đạo đức theo kiểu “tu nhân tích đức”, hướng thiện, phục thiện trong hoàn cảnh xã hội nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp khi hệ thống các giá trị chuẩn mực đang bị đảo lộn, đạo đức xã hội xuống cấp, tệ nạn xã hội phát triển... Đó còn là xu hướng quay trở lại gìn giữ truyền thống thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, thờ Mẫu... Điều đó góp phần làm tăng thêm sự gắn kết cộng đồng; khôi phục lại những biểu tượng văn hóa truyền thống; là biểu hiện của đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Bên cạnh đó, một số tín ngưỡng dân gian vận động theo xu hướng đời thường hóa, gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Ở chiều ngược lại, một số hiện tượng mê tín dị đoan lại thâm nhập sâu vào đời sống tín ngưỡng dân gian. Chẳng hạn, với nghi lễ lên đồng và hát chầu văn trong tín ngưỡng thờ Mẫu, ở nhiều nơi (như đền Ông Hoàng Mười, đền Ông Hoàng Bảy, Cô Ba, Cô Chín...) hoạt động văn hóa này hiện nay đã trở thành phương tiện để cầu danh lợi, vận may... Những hệ lụy đi kèm là một bộ phận người dân sống quanh các nơi thờ tự này chỉ sống bằng nghề nhặt tiền của

người hầu đồng, một số người sống bằng nghề xem bói, cúng thuê (Hoàng Thị Lan, 2017: 73-78).

Thứ hai, một số tập tục không còn phù hợp có xu hướng bị xóa bỏ trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Lê Văn Lợi (2016: 75-78) nhận định, xây dựng nông thôn mới đồng nghĩa với việc đẩy lùi những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, bói toán, lối sống cổ hủ. Qua các phương thức tuyên truyền, vận động, phổ biến tri thức của các cơ quan truyền thông cũng như các cấp chính quyền, nhận thức của người dân đã được nâng cao trong việc nhận diện và đẩy lùi những tập tục không còn phù hợp: Cắt giảm các thủ tục rườm rà trong ma chay (chuyển từ hình thức địa táng sang hỏa táng, không để thi thể người chết quá lâu trong nhà, bỏ tục lẩn đường, ăn uống trong tang ma), trong cưới hỏi (nhiều nơi bỏ tục thách cưới, không ngăn cản con cái lấy chồng ở ngoài làng xã, tôn trọng tự do hôn nhân; các nghi thức cưới hỏi được thực hành theo nếp sống mới, tiết kiệm, gọn nhẹ). Trong văn hóa ứng xử nơi công cộng, nhiều địa phương đã xây dựng được nếp sống văn minh, lịch sự, hành xử theo pháp luật. Thói quen văn hóa khó thay đổi một sớm một chiều, nhưng dần dần nhiều giá trị văn hóa tiên bộ đã được người dân tiếp nhận, nhiều thói quen, tập tục lạc hậu đã bị xóa bỏ.

Thứ ba, thói quen tiêu dùng, tiếp cận và hưởng thụ văn hóa biến đổi. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Nhật Hạ (2021), nhiều khu chợ dân sinh, trung tâm thương mại được xây dựng, hàng hóa đa dạng khiến việc mua bán, trao đổi của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ trở nên dễ dàng, đồ dùng gia đình được trang bị ngày càng tiện nghi. Thói quen tiêu dùng của nhiều người đã thay đổi với sự xuất hiện của việc mua bán, thanh toán trực tuyến... Trong số những người sử dụng Internet, 46% có tham gia

các hoạt động mua sắm trực tuyến. Kênh mua sắm phổ biến nhất của người tiêu dùng ở nông thôn (72%) là Facebook, tiếp đó là các sàn thương mại điện tử. Người dân ở các vùng nông thôn đang sử dụng Internet nhiều hơn là các loại hình phương tiện truyền thông truyền thống, tỷ lệ tăng nhanh từ 84% năm 2018 lên 91% năm 2021, cao hơn tivi (86%). Không chỉ số lượng người mà thời gian sử dụng Internet hằng ngày cũng cao gần gấp đôi tivi (149 phút so với 87 phút). Trong số người tiêu dùng xem tivi, có đến 47% vừa xem tivi vừa sử dụng điện thoại để trò chuyện hoặc truy cập mạng xã hội. Bên cạnh việc sử dụng mạng xã hội, người tiêu dùng ở nông thôn còn xem video trực tuyến (74%), chơi game trực tuyến (34%),... (Đỗ Phong, 2021).

Bên cạnh đó, lối sống “hàng phố” đã làm thay đổi lối sống truyền thống của cư dân nông thôn ở nhiều vùng. Trong quá trình dần đô thị hóa, các làng - đô thị chứng kiến sự nổi trội của lối sống đề cao sự kết nối cộng đồng và xuất hiện lối sống công nghiệp dịch vụ. Người dân ở các làng - đô thị này đã buộc phải thay đổi lối sống, thích nghi dần với nhịp sống công nghiệp trong một nền kinh tế dịch vụ. Đất nông nghiệp không còn để họ có thể tự sản xuất lương thực, thực phẩm; ao hồ, đồng ruộng, vườn tược cũng không còn cho họ nguồn thức ăn phong phú như trước;... Vì vậy, trong cuộc sống hằng ngày, họ buộc phải sử dụng đa dạng các loại dịch vụ. Đây chính là lý do khiến người dân ở các khu vực này tiếp xúc nhanh hơn với kinh tế thị trường (Nguyễn Thị Phương Châm, 2021).

3. Những yếu tố tác động đến biến đổi lối sống

Sự biến đổi trong lối sống của cư dân nông thôn đồng bằng sông Hồng do tác động của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến các nhóm yếu tố chính sau:

- *Ảnh hưởng của kinh tế thị trường:* Trong những năm qua, việc phát triển kinh tế thị trường đã giúp đồng bằng sông Hồng khơi dậy được các thế mạnh, thu hút các nguồn lực phát triển cho vùng, kích thích sự gia tăng nhu cầu của người dân, tạo ra sự cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động, góp phần hình thành lối sống năng động, sáng tạo, hướng đến hiệu quả kinh tế. Kinh tế thị trường phát triển là môi trường thuận lợi cho quá trình xích lại gần nhau của các cộng đồng dân cư, trong đó cư dân nông thôn ở khu vực đồng bằng sông Hồng tiến gần hơn với khu vực thành thị (Xem thêm: Đinh Thị Giang, 2018; Phạm Quỳnh Chinh, 2016).

- *Ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa:* Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự thay đổi của quan hệ sản xuất không chỉ tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong kinh tế của vùng mà còn dẫn đến sự hình thành lối sống mới - lối sống công nghiệp trong người dân đồng bằng sông Hồng hiện nay. Sự mở rộng của các khu đô thị, các khu công nghiệp kéo theo sự gia tăng của tình trạng thất nghiệp của người nông dân, tình trạng ô nhiễm môi trường và các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm, trộm cướp... Tình trạng này có xu hướng ngày càng lan rộng, ảnh hưởng không tốt đến môi trường sống, lối sống của người dân trong vùng (Đinh Thị Giang, 2018).

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động đến con người và xã hội thông qua công nghệ một cách gián tiếp hơn, nhưng lại mạnh mẽ hơn, nhanh chóng và sâu rộng hơn. Khu vực nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ cũng đang trong quá trình chuyển mình cùng cuộc cách mạng này. Công nghệ mới được áp dụng vào mọi mặt của đời sống tạo nên những thay đổi lớn trong các lĩnh vực của đời sống

xã hội, đã và đang ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh, phương thức tiêu dùng, giải trí, các quan hệ xã hội..., dần làm thay đổi bản sắc văn hóa (Nguyễn Thị Nhật Hạ, 2021).

- *Ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế:* Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tạo ra diện mạo mới của bức tranh thế giới, vừa có sự hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng thương mại, hợp tác lao động, thu hút đầu tư, du lịch, văn hóa, giáo dục..., tạo cơ hội để các tầng lớp nhân dân tiếp cận tri thức và các giá trị văn hóa tiên bộ của nhân loại. Mặt khác, trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các biến động bất lợi (như các rủi ro, bất ổn về kinh tế, an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội...) cũng tác động không nhỏ đến đời sống xã hội (Xem thêm: Đinh Thị Giang, 2018).

Bên cạnh tác động của các yếu tố bên ngoài, sự biến đổi lối sống liên quan đến phong tục tập quán của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ nhiều năm gần đây còn do yếu tố nội sinh. Về bản chất, mọi sự thay đổi luôn bắt nguồn từ nội tại, từ nhu cầu nội tại để thích ứng với điều kiện mới. Những năm gần đây, nhiều phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp đã được người dân ở nhiều nơi đồng lòng khôi phục, đặc biệt là chủ trương xây dựng hương ước mới, khiến phong tục, tập quán có điều kiện phát triển và phát huy vai trò trong đời sống xã hội. Theo Nguyễn Văn Huy (2021), nhiều thay đổi về tư duy trong phong tục, tập quán còn liên quan đến những vấn đề cụ thể mới nảy sinh như quyền chuyển đổi giới tính, quyền hiến mô và các bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác, quyền được chết... Những đổi mới trong pháp luật cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến phong tục, tập quán của cư dân nông thôn đồng bằng Bắc

bộ. Còn theo Hoàng Thị Lan (2019), biến đổi tôn giáo ở Việt Nam có tác động lớn đến phong tục, tập quán trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Một mặt nó góp phần phục hồi nhiều phong tục, tập quán đẹp (như đi chùa, tham gia lễ hội, ăn chay, phóng sinh...), góp phần thay đổi nhiều tập quán lạc hậu; mặt khác cũng làm hồi sinh nhiều tập quán lạc hậu khác, làm biến dạng, phai mờ một số phong tục, tập quán truyền thống (cúng trừ tà ma, cúng vàng mã, bốc bát hương, thực hiện nhiều nghi thức rườm rà trong cúng lễ...).

Kết luận

Tồn tại xã hội thay đổi sớm muộn thì ý thức xã hội cũng có sự thay đổi để phản ánh tồn tại đó. Lối sống theo phong tục tập quán là phần ít thay đổi nhất là ở khu vực nông thôn, bởi nó được hình thành lâu dài trong quá khứ và trở thành văn hóa của cộng đồng. Sự thay đổi ở lối sống thường diễn ra rất chậm, nhiều khi trong hàng thập kỷ, thậm chí hàng thế kỷ.

Ở Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, mọi lĩnh vực của đời sống đều có sự chuyển biến. Lối sống theo phong tục, tập quán của người Việt cũng như của cư dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ cũng vậy: trở nên phong phú đa dạng hơn, bên cạnh những yếu tố truyền thống còn có sự du nhập của văn hóa phương Tây. Sự thay đổi lớn ở phương thức sản xuất, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, giao lưu tiếp biến văn hóa với bên ngoài đã tác động mạnh mẽ đến lối sống theo phong tục, tập quán của người dân nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ. Những biến đổi ở lối sống thường theo hai hướng: *Thứ nhất*, những gì không còn phù hợp, lạc hậu, cản trở sự phát triển tất yếu bị đào thải; *Thứ hai*, những gì là căn bản, cốt lõi làm nên nét văn hóa đặc trưng của cộng đồng nơi đây thì vẫn được bảo tồn,

thậm chí phát triển, không loại trừ những lối sống mới xuất hiện bồi đắp làm đa dạng văn hóa với đặc tính biến đổi nhanh và biến đổi khó định hình □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Bính (chủ biên, 1997), *Văn hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Phương Châm (2021), *Làng - Đô thị hiện nay và một số đặc điểm về lối sống*, <http://thanhdiaivietnamhoc.com/lang-do-thi-hien-nay-va-mot-so-dac-diem-ve-loi-song/>, truy cập ngày 02/8/2022.
3. Phạm Quỳnh Chinh (2016), *Văn hóa làng trong quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Đặng Quang Định (2017), “Sự biến đổi nhân sinh quan của cư dân đồng bằng sông Hồng thể hiện qua các lễ hội truyền thống”, Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 2, tr. 95.
5. Bùi Xuân Đỉnh (2020a), “Đặc điểm không gian kiến trúc làng cổ truyền của người Việt ở Bắc bộ”, *Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội*, số 64, tr. 21-28.
6. Bùi Xuân Đỉnh (2020b), “Về nhà ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ”, *Tạp chí Kiến trúc online* ngày 25/11/2020, <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/ve-nha-o-nong-thon-truyen-thong-bac-bo.html>, truy cập ngày 25/8/2022.
7. Đinh Thị Giang (2018), “Những nhân tố ảnh hưởng đến lối sống của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 7, tr. 34-36.

8. Nguyễn Thị Trà Giang (2019), “Vai trò của phong tục tập quán trong đời sống xã hội hiện nay”, *Tạp chí Thông tin và Khoa học Công nghệ Quảng Bình*, số 2, tr. 66-69.
9. Nguyễn Thị Nhật Hạ (2021), “Nhân tố ảnh hưởng đến việc mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng nông thôn đồng bằng sông Hồng”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, số 755 (6/2021), tr. 185-187.
10. Nguyễn Thị Thụy Hà (2014), “Biến đổi văn hóa trang phục ở làng Việt vùng châu thổ sông Hồng từ 1945 đến nay: Nghiên cứu trường hợp tại làng Thụy Lôi, Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội”, https://www.academia.edu/36796003/I%E1%BA%BEN_%C4%90%E1%B-B%94I_V%C4%82N_H%C3%93A_T_R_A_N_G_P_H_%E1%B-B%A4C_%E1%BB%9E_M%E1%B-B%98T_L_%C3%80NG_VI%E1%B-B%86T_V%C3%99N_G_C_H%C3%82U_TH%E1%B-B%94_S%C3%94NG_H%E1%B-B%92N_G_T_%E1%B-B%AA_1945_%C4%90%E1%BA%BEN_NAY, truy cập ngày 20/7/2022.
11. Mai Văn Hai, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đức Chiện, Ngô Thị Thanh Quý (2013), *Bản sắc làng Việt trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Diệp Đình Hoa (2000), *Người Việt ở đồng bằng Bắc bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2016), “Bàn thêm về văn hóa ẩm thực của người Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học*, số 11, tr. 126-134.
14. Nguyễn Văn Huy (2021), *Quyền nhân thân trong mối quan hệ với phong tục tập quán và các giá trị đạo đức truyền thống*, <https://nxbtuphap.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?ItemID=1828&l=Nghiencuutraodoi>, truy cập ngày 22/8/2022.
15. Nguyễn Thị Kim Hương (2014), “Xu hướng phục hồi bảo tồn yếu tố truyền thống trong thời trang hiện nay”, *Nhân lực khoa học xã hội*, số 2, tr. 64 -71.
16. Nguyễn Quang Khải (2018), *Sự thay đổi trong thói quen của người dân vùng đồng bằng Bắc bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Hoàng Thị Lan (2017), “Vai trò của tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2, tr. 73-78.
18. Hoàng Thị Lan (2019), “Tác động của biến đổi tôn giáo đối với phong tục, tập quán truyền thống Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10.
19. Phùng Trung Lập (2015), “Phong tục, tập quán và áp dụng tập quán trong công tác xét xử án dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 5(285), tr. 15-22.
20. Nguyễn Xuân Lộc (2010), “Bảo tồn kiến trúc nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ”, *Tạp chí Khoa học công nghệ Hàng hải*, số 23, tr. 49-53.
21. Lê Văn Lợi (2016), “Phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp trong các tín ngưỡng truyền thống ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 6, tr. 75-80.
22. Phùng Thị An Na (2016), “Tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11, tr. 26-35.
23. Phạm Thị Kim Ngân (2019), *Thẩm mỹ trong không gian nội thất nhà ở truyền thống vùng châu thổ Bắc bộ*, Luận án Tiến sĩ Mỹ thuật, Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.
24. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng (1987), *Từ điển triết học giản yếu*,

- Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
25. Đỗ Phong (2021), “Người nông thôn “online” tăng vọt, tích cực mua sắm trực tuyến”, *VnEconomy* ngày 09/4/2021, <https://vneconomy.vn/nguoi-nong-thon-online-tang-vot-tich-cuc-mua-sam-truc-tuyen.htm>, truy cập ngày 13/7/2022.
 26. Nguyễn Huy Phòng (2020), “Một số biến đổi ở vùng đồng bằng Sông Hồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, số 31, tr. 62-68.
 27. Lê Đức Phúc (2006), *Đề cương bài giảng môn Tâm lý học văn hóa*, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 28. Ngô Thị Phương (2014), *Lối sống của nông dân Việt Nam do ảnh hưởng của chuyển đổi mục đích sử dụng đất-Trường hợp nghiên cứu tỉnh Ninh Bình*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 29. Trần Đình Thi (2008), “Kiến trúc nhà ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ trong quá trình đô thị hóa - Thực trạng và hướng giải quyết”, tại Hội thảo *Kiến trúc nông thôn thời kỳ đổi mới*, Trường Đại học Xây dựng, tháng 12/2008.
 30. Trương Thìn (2010), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
 31. Phạm Xuân Trường (1997), “Về một số biến đổi chuẩn mực văn hoá xung quanh nhà ở người nông dân đồng bằng Bắc bộ trong thời kỳ Đổi mới”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3, tr. 67-75.
 32. Phạm Hồng Tung (2007), “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận”, *Tạp chí Khoa học* (Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), số 23, tr. 271-278.

(tiếp theo trang 27)

14. Taehye Um, Namho Chung (2019), “Does smart tourism technology matter? Lessons from three smart tourism cities in South Korea”, *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, Vol. 26 (1), pp. 1-19.
15. Taehye Um, Hyunky Kim, Hyunji Kim, Jungho Lee, Chulmo Koo, and Namho Chung (2022), “Travel Incheon as a Metaverse: Smart Tourism Cities Development Case in Korea”, *Information and Communication Technologies in Tourism 2022*, pp. 226- 231, https://doi.org/10.1007/978-3-030-94751-4_20, truy cập ngày 25/6/2022.
16. “Travel Incheon Using AR, Incheon Smart Tourism City”, June 8, 2021. https://english.visitkorea.or.kr/enu/AKR/FU_EN_15.jsp?cid=2731687, truy cập ngày 25/6/2022.